

Bản án số: 88/2022/HS-PT

Ngày: 11-3-2022

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Hà

*Các Thẩm phán:* 1. Bà Phạm Uyên Thy  
2. Ông Trần Minh Châu

*Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Oanh

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Ông Trần Thanh Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 249/2021/TLPT-HS ngày 17 tháng 6 năm 2021 đối với Nguyễn Ngọc T và đồng phạm do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 68/2021/HSST ngày 10/5/2021 của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Các bị cáo có kháng cáo:*

**1. Nguyễn Ngọc T;** giới tính: nam; sinh năm: 1985 tại thành phố Cần Thơ; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp TB2, xã TX, huyện CĐ, thành phố Cần Thơ; chỗ ở: Nhà không số, tổ S, khu phố N, phường TA, Quận MH, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa: 6/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không có; con ông Nguyễn VK và bà Lê TT; hoàn cảnh gia đình: chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không;

Nhân thân: Ngày 12/5/2010 bị Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”.

Bị bắt tạm giam từ ngày 07/7/2020 (có mặt).

**2. Nguyễn Trọng K;** giới tính: nam; sinh năm: 1996 tại thành phố Cần Thơ; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp TB2, xã TX, huyện CĐ, thành phố Cần Thơ; chỗ ở: Nhà không số, tổ N, khu phố B, phường TA, Quận MH, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa: 7/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không có; con ông Nguyễn VL và bà Nguyễn TD; hoàn cảnh gia đình: chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không.

Bị bắt tạm giam từ ngày 07/7/2020 (có mặt).

**3. Nguyễn Thị Tuyết N;** giới tính: nữ; sinh năm: 1997 tại thành phố Cần Thơ; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp TB2, xã TX, huyện CĐ, thành phố

Cần Thơ; chỗ ở: Nhà không số, tổ N, khu phố B, phường TA, Quận MH, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa: 01/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không có; con ông Nguyễn VL và bà Nguyễn TD; hoàn cảnh gia đình: có chồng và 01 con sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo tại ngoại (có mặt).

*Những người tham gia tố tụng:*

*Người bào chữa:*

1. Ông Tô Bá Thanh – Luật sư Công ty luật TNHH MTV Chí Thành thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh bào chữa cho bị cáo Nguyễn Ngọc T (có mặt).

2. Ông Đỗ Văn Minh – Luật sư Công ty luật TNHH MTV Văn Minh Sài Gòn thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh bào chữa cho các bị cáo Nguyễn Trọng K và Nguyễn Thị Tuyết N (có mặt)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chiều ngày 04/7/2020, Nguyễn Trọng K, Nguyễn Thị Tuyết N tổ chức uống rượu bia với Nguyễn Ngọc T, Nguyễn Văn T2 (chưa rõ lai lịch) và X (chưa rõ lai lịch) tại nhà không số, tổ N, khu phố T, phường TA, Quận MH, Thành phố Hồ Chí Minh. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày thì T đến chỗ ở của Nguyễn Tuấn K1 tại khu nhà trọ số 430/15, tổ B, khu phố H, phường TA, Quận MH để giải quyết mâu thuẫn. Tại đây, T bị Lê Minh T1 dùng dao tự chế đuổi đánh nên T quay về nhà lấy 01 con dao dài khoảng 30cm giấu vào túi quần nhằm mục đích quay lại tìm T1 trả thù. Lúc này, N đang dọn dẹp dưới nhà nên T nói cho N nghe sự việc mâu thuẫn với T1, riêng K, T2 và X đang nằm trên gác. Nghe vậy, N liền lấy 01 con dao làm bếp dài khoảng 30cm giấu vào lưng quần và nói sẽ đi cùng T đến nhà K1. T dùng xe gắn máy biển số 59B1-329.24 chở N đi trước thì sau đó K cũng lấy 01 con dao tự chế dài khoảng 50cm đi theo sau. Thấy vậy, T2 và X cũng lấy xe máy đi cùng K. Tại nhà của K1, T và N tìm T1 và hỏi “*ai chửi và đòi đánh T*” thì T1 cầm dao tự chế từ phòng trọ xông ra chỗ T. Thấy vậy, K1 chạy vào dùng 02 tay ôm người T nên T dùng tay phải rút dao ra kề vào cổ K1, đẩy sát vào vách tôn trước dãy phòng trọ nhưng không gây thương tích. Lúc này, Nguyễn Thị X1 (vợ K1) chạy tới dùng 02 tay ôm hông T kéo ra nên T buông K1 ra vùng dao quay lại thì chém trúng cổ tay trái của X1 nên X1 buông T ra.

Cùng lúc đó, Lê Minh T1 cầm dao chạy đến chém 01 nhát vào vai trái của T gây thương tích nên T cầm dao chém lại T1 01 nhát vào vùng vai kéo dài xuống ngực trái của T1. Lúc này, T2, X và K cũng vừa tới nên T2 lấy dao của K chạy vào chém T1 01 cái (không xác định được vị trí). T1 chém lại T2 01 cái (không rõ vị trí). K chạy vào phòng trọ số 8 trong khu nhà trọ của K1 lấy 01 con

dao bằng kim loại chạy tới vị trí của T2 lúc này đang bị thương tích, chảy máu ở đầu. T1 tiếp tục dùng dao chém vào đầu và cổ tay trái của K gây thương tích nên K dùng dao chém vào vùng bụng và tay trái của T1. Lúc này ông Nguyễn Văn T3 là người ở trong khu trọ của K1 vào can ngăn nên T1 bỏ chạy vào trong dãy trọ nhưng tới trước phòng trọ của K1 thì bị té ngã. Thấy vậy, N liền chạy đến lấy dao đem sẵn trong người chém vào lưng trái T1 01 nhát.

Về phía K1, sau khi thoát khỏi T đã về nhà lấy dao quay lại hướng về phía N và K. Thấy vậy, T cầm dao truy đuổi, K1 bỏ chạy vào cuối dãy trọ đến khu vực bồn nước thì bị ngã nên liền xoay người ngồi trên giá đỡ bồn nước đối diện với T. T dùng dao chém 01 nhát thì K1 giơ tay lên đỡ nên trúng mặt trong cánh tay phải của K1.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích của Nguyễn Tuấn K1 kết luận:

- Vết thương phần mềm gây đứt da tại ngực phải, có tỉ lệ 2%.
- Vết thương trán gây rách da, vỡ thành trước xoang trán, có tỉ lệ 14%.
- Vết thương tại mặt trong cánh tay phải gây đứt da, đứt động mạch cánh tay, đứt tĩnh mạch đầu, đứt thần kinh trụ, có tỉ lệ 37%.
- Vết thương mặt trước giữa cẳng tay trái gây đứt gân gan tay, có tỉ lệ 8%.
- Vết thương mặt ngoài gối phải gây đứt cánh ngoài gân bánh chè, có tỉ lệ 9%.

Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể là 56%.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích của Nguyễn Ngọc T kết luận: Đa vết thương phần mềm, tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể là 7%.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích của Lê Minh T1 kết luận:

- Vết thương lòng bàn tay trái gây đứt gân, có tỉ lệ 11%.
- Đa vết thương phần mềm gồm: Vết thương vành tai phải tỷ lệ 2%, trên tai trái trong tóc tỷ lệ 1%; vết thương mặt trái tỷ lệ 6%; vết thương ngực trái tỷ lệ 3%; vết thương bụng phải tỷ lệ 2%; vết thương cánh tay phải tỷ lệ 2%; vết sây sát sau khuỷu tay trái tỷ lệ 1%; 10 vết xước da tại vùng lưng, mỗi vết 0,5%.

Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể là 29%.

Đối với Nguyễn Thị X1, Nguyễn Trọng K, Nguyễn Thị Tuyết N và Nguyễn Văn T3 có đơn không yêu cầu giám định tỷ lệ thương tích và không yêu cầu truy cứu trách nhiệm hình sự.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 68/2021/HSST ngày 10/5/2021 của Tòa án nhân dân Quận 12 đã quyết định:

- Căn cứ điểm c khoản 3 Điều 134; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự

+ Xử phạt: Nguyễn Ngọc T 07 (bảy) năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời hạn tù tính từ ngày 07/7/2020.

+ Xử phạt: Nguyễn Trọng K 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời hạn tù tính từ ngày 07/7/2020.

+ Xử phạt: Nguyễn Thị Tuyết N 05 (năm) năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên phạt đối với Lê Minh T1, xử lý vật chứng, về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 21/5/2021, bị cáo Nguyễn Ngọc T, Nguyễn Trọng K và Nguyễn Thị Tuyết N kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa phúc thẩm nêu quan điểm kết luận cấp sơ thẩm tuyên bố bị cáo phạm tội “Cố ý gây thương tích” là đúng người, đúng tội. Tuy nhiên, trước phiên tòa các bị cáo đã nộp số tiền 30.000.000 đồng để khắc phục hậu quả, thương tích các bị cáo Nguyễn Trọng K và Nguyễn Thị Tuyết N gây ra có phần hạn chế nên đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, cụ thể như sau:

+ Xử phạt Nguyễn Ngọc T từ 6 năm đến 6 năm 6 tháng tù

+ Xử phạt Nguyễn Trọng K từ 04 đến 05 năm tù

+ Xử phạt Nguyễn Thị Tuyết N từ 03 đến 04 năm tù.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Ngọc T nêu ý kiến: Thống nhất về tội danh và khung hình phạt áp dụng xét xử đối với bị cáo. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét phía bị hại có một phần lỗi khi dùng hung khí tấn công nhóm bị cáo trước đồng thời sau khi gây án các bị cáo đã ra tự thú nhưng chưa được cấp sơ thẩm xem xét áp dụng. Từ những phân tích trên, luật sư đề nghị tuyên phạt bị cáo mức án thấp hơn đề nghị của đại diện Viện kiểm sát. Ngoài ra, đối với bị hại trong vụ án này tham gia đánh chém các bị cáo trong đêm khuya, mặc dù không xem xét khởi tố về tội “Cố ý gây thương tích” do bị cáo T không đề nghị giám định thương tích và không đề nghị truy tố nhưng đã có dấu hiệu của tội “Gây rối trật tự công cộng” nên cũng cần phải xem xét xử lý, tránh bỏ lọt người, lọt tội.

Luật sư bào chữa cho các bị cáo Nguyễn Trọng K và Nguyễn Thị Tuyết N nêu ý kiến:

- Thống nhất về tội danh xét xử đối với các bị cáo. Tuy nhiên, về khung hình phạt đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các vấn đề sau:

+ Về nguyên nhân, hoàn cảnh phạm tội: Xuất phát từ việc Nguyễn Tuấn K1 có lời thách thức “chấp cả dòng họ nhà T” và Lê Minh T1 đuổi đánh T nên nhóm T mới quay lại nói chuyện. Tại nhà K1, T1 cũng là người chém T trước nên K và N là cháu ruột phải bảo vệ chú.

+ Về hành vi phạm tội và hậu quả: K và N chém trả đối với T1 khi T đang gặp nguy hiểm là do bị kích động về tinh thần và phòng vệ chính đáng nhằm

ngăn cản hành vi tấn công liên tục của T1. Theo bản kết luận giám định thương tích thì K chỉ gây thương tích cho T1 13%, N gây thương tích cho T1 0.5%.

+ Về tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo còn trẻ tuổi, học vấn thấp, bị cáo N không biết chữ, thiếu hiểu biết pháp luật, nhận thức chưa đầy đủ. Sau khi phạm tội đã ra tự thú, thành khẩn khai báo, hợp tác điều tra, được bị hại bãi nại. Các bị cáo hiện đều nuôi con nhỏ, bị cáo N đang mang thai.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 134; điểm c, e, h, i, k, m, r, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự để xử phạt các bị cáo mức án nhẹ nhất. Riêng bị cáo N hiện đang mang thai nên đề nghị không cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Sau khi xét xử sơ thẩm, Viện kiểm sát kháng nghị trong hạn luật định nên hợp lệ.

Xét lời khai của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ mà nội dung bản án sơ thẩm đã nêu, có đủ cơ sở xác định: Tối ngày 04/7/2020, Nguyễn Ngọc T đến chỗ ở của Nguyễn Tuấn K1 tại khu nhà trọ số 430/15 tổ B, khu phố H, phường TA, Quận MH, Thành phố Hồ Chí Minh để nói chuyện thì bị Lê Minh T1 dùng dao tự chế đuổi đánh nên Nguyễn Ngọc T về nhà kể lại cho cháu ruột là Nguyễn Thị Tuyết N nghe. Sau đó, cả hai chuẩn bị dao và quay lại tìm T1 để giải quyết mâu thuẫn. Lúc này, Nguyễn Trọng K (anh trai T), Nguyễn Vũ T2 và X (đều chưa rõ lai lịch) ở trên gác nghe được câu chuyện của T nên K cũng lấy 01 con dao sau đó cùng T2 và X đến nhà K1. Khi đến khu trọ của K1, N và T lớn tiếng kêu T1 ra giải quyết thì T1 cầm dao đi ra nên K1 xông vào ông T nên T rút dao ra kề vào cổ K1 đẩy sát vào tường. Thấy vậy, vợ K1 chạy tới ôm phía sau lưng T nên T buông K1 ra và vùng vẫy thì dao chém trúng cổ tay trái khiến bà X1 buông tay thì T1 liền vùng dao chém vào vai trái nên T chém lại 01 nhát trúng ngực trái của T1.

Lúc này nhóm K, T2, X vừa tới nơi thấy T bị chém nên T2 lấy con dao của K chạy vào chém T1 01 cái, T1 cũng chém lại T2 01 cái. K liền chạy vào phòng trọ số 8 lấy 01 con dao đi đến chỗ T2 đang bị thương thì bị T1 chém vào đầu và cổ tay trái. K liền dùng dao chém lại trúng bụng và tay trái của T1. Do được một người hàng xóm can ngăn nên T1 bỏ về phòng trọ nhưng bị vấp té trước cửa phòng trọ của K1 thấy vậy N lấy con dao đem theo chém 01 nhát vào lưng T1.

Cùng lúc này, T thấy K1 cầm dao đi về phía K nên đuổi theo thì K1 bỏ chạy vào cuối dãy trọ nhưng bị ngã tại khu vực bồn nước, khi K1 ngồi dậy thì T chạy tới dùng dao chém xuống, K1 giơ tay lên đỡ nên trúng mặt trong cánh tay phải. Sau đó cả nhóm T ra về và tự đi băng bó vết thương.

Hành vi của các bị cáo là cố ý xâm phạm sức khỏe của người khác. Hậu quả khiến Nguyễn Tuấn K1 bị thương tích tổng cộng 56%, Lê Minh T1 bị

thương tích 29%. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố các bị cáo phạm tội “Cố ý gây thương tích” theo khoản 3 Điều 134 Bộ luật Hình sự là xét xử đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Tuy nhiên, về tính chất mức độ đồng phạm của từng bị cáo Hội đồng xét xử đánh giá như sau:

Quá trình điều tra đã xác định nguyên nhân xảy ra vụ án xuất phát từ việc Nguyễn Ngọc T đến tìm Nguyễn Tuấn K1 để giải quyết mâu thuẫn cá nhân nhưng lại bị Lê Minh T1 cầm dao đuổi đánh. Tại phòng trọ của Nguyễn Thị Tuyết N, T cũng chỉ kể việc bị T1 đuổi đánh và muốn quay lại gặp T1 để giải quyết. Khi tới nhà K1, T và N cũng chỉ hỏi T1, cụ thể T hỏi “*T1 đâu?*”, N hỏi “*Đứa nào đòi chém chú tao?*”. Trong suốt quá trình 02 bên đánh nhau, N không tham gia và chỉ chém T1 01 nhát khi thấy T1 bị té, gây thương tích 0,5%. Ngoài ra, bị cáo N không gây thương tích cho ai khác. Tương tự đối với Nguyễn Trọng K, xác định tại hiện trường vụ án có tham gia chém gây thương tích cho Lê Minh T1, theo kết luận điều tra và kết quả giám định xác định là 13%.

Xét các bị cáo K, N phạm tội lần đầu, thương tích trực tiếp do các bị cáo gây ra có hạn chế nhưng mức án cấp sơ thẩm đã tuyên là có phần nghiêm khắc nên Hội đồng xét xử xem xét giảm cho các bị cáo một mức hình phạt như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa là phù hợp.

Đối với quan điểm của luật sư cho rằng chỉ có căn cứ xét xử các bị cáo N và K theo quy định tại khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự, Hội đồng xét xử đánh giá như sau: Các bị cáo đều nghe bị cáo T nói sự việc mâu thuẫn với nhóm Nguyễn Tuấn K1 và Lê Minh T1, biết T cầm dao đến hiện trường để giải quyết mâu thuẫn nhưng vẫn cầm hung khí đi theo. Tại hiện trường các bị cáo đều sử dụng hung khí gây thương tích cho người khác, mặc nhiên để hậu quả xảy ra. Do đó, Nguyễn Ngọc T bị truy tố xét xử về tội danh và khung hình phạt nào thì các bị cáo phải chịu trách nhiệm về tội danh và khung hình phạt tương ứng với vai trò đồng phạm giúp sức. Xét các bị cáo chủ động đem hung khí tới hiện trường thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp nên quan điểm của luật sư đề nghị áp dụng các tình tiết giảm nhẹ tại điểm c, e, h, i, k khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự là không có căn cứ. Tại thời điểm phạm tội, đã xác định được lai lịch của các bị cáo nên tình tiết các bị cáo ra trình báo chỉ được xem là người phạm tội ra đầu thú thuộc tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Đối với bị cáo N, là người dân tộc Kinh, tuổi đời còn trẻ đồng thời không sinh sống hoặc chịu ảnh hưởng của phong tục tập quán lạc hậu dẫn đến lệch lạc về nhận thức nên việc bị cáo có trình độ học vấn thấp không phải là căn cứ áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại điểm m khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận quan điểm bào chữa của luật sư về những vấn đề này.

Đối với bị cáo Nguyễn Ngọc T, sau khi phạm tội đã ra đầu thú, xuyên suốt quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, trước phiên tòa phúc thẩm đã nộp khắc phục hậu quả số tiền 30.000.000 đồng (Theo Biên lai thu tiền số AA/2021/0001364 ngày 14/12/2021 của Cục thi hành án dân

sự Thành phố Hồ Chí Minh) nên xem xét giảm cho bị cáo một mức hình phạt như lời bào chữa của luật sư nhưng xét về nhân thân trước đây bị cáo đã bị xét xử về cùng loại tội nên không thể thấp hơn đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Về quan điểm của luật sư cho rằng cần truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Nguyễn Tuấn K1 về hành vi “Gây rối trật tự công cộng”, Hội đồng xét xử xét giữa các bị cáo và bị hại K1 có mâu thuẫn trước đó (nếu có) cũng đã được giải quyết, chưa có thiệt hại xảy ra nhưng các bị cáo lại chủ động tìm kiếm hung khí đến nhà bị hại gây sự, đánh nhau nên Cơ quan cảnh sát điều tra không khởi tố đối với Nguyễn Tuấn K1 là có căn cứ.

Bị cáo Nguyễn Thị Tuyết N thực hiện hành vi phạm tội với động cơ bệnh vực người thân, thương tích gây ra cho bị hại T1 không lớn chỉ 0,5%, nên mức độ phạm tội có hạn chế, hiện nay bị cáo đang mang thai nên Hội đồng xét xử xét không cần bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù mà cho bị cáo được hưởng án treo với thời gian thử thách nhất định cũng đủ tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo.

*Vì các lẽ trên;*

### QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo **Nguyễn Ngọc T, Nguyễn Trọng K và Nguyễn Thị Tuyết N**. Sửa bản án sơ thẩm.

- Căn cứ điểm c khoản 3 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự

+ Xử phạt: **Nguyễn Ngọc T** 6 (sáu) năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời hạn tù tính từ ngày 07/7/2020.

- Căn cứ điểm c khoản 3 Điều 134; Điều 17; Điều 58; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự

+ Xử phạt: **Nguyễn Trọng K** 03 (ba) năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời hạn tù tính từ ngày 07/7/2020.

- Căn cứ điểm c khoản 3 Điều 134; Điều 17; Điều 58; điểm n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự

+ Xử phạt: **Nguyễn Thị Tuyết N** 03 (ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời gian thử thách là 05 năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú là Ủy ban nhân dân phường TA, Quận MH, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

(Đã giải thích chế định án treo).

**Nơi nhận:**

- TAND Tối Cao; (1)
- TAND Cấp Cao tại Tp. HCM (1)
- VKSND Tp.HCM; (3)
- VKSND Quận 12; (1)
- Chi cục THA Quận 12; (1)
- TAND Quận 12; (2)
- Công an Quận 12; (1)
- Phòng PC 53 - CA Tp. HCM; (1)
- Bị cáo; (3)
- Sở Tư pháp; (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (3)
- Lưu, hình sự, hồ sơ. (25) (4)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Hà**